

Bản án số: 317/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 11 - 2024

V/v: “*Tranh chấp chia di sản  
thừa kế*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Bà Nguyễn Thị My My.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 250/2024/TLPT – DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 268/2024/QĐ-PT ngày 22/10/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc K;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Đinh Thị L;

Địa chỉ: Số H H, Phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình B - (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H H, Phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đại K1 và bà Nguyễn Thị L1 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L2; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị L3; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Đại K2; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Nguyễn Thị L4; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Nguyễn Đại L5; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, TX B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L2, bà L3, ông K2, bà L4, ông L5: Bà Đinh Thị L; (có mặt)*

Địa chỉ: Số H H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày:***

Ông Nguyễn Quốc K có bố là Nguyễn Đại B1 (chết năm 2012) và mẹ Từ Thị G (chết năm 2021). Ông B1, bà G có 7 người con là: Nguyễn Quốc K, Nguyễn Đại K3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Đại L5, Nguyễn Đại K2, Nguyễn Thị L4.

Trước khi chết ông B1, bà G có tài sản là 01 thửa đất diện tích 2.279,6 m<sup>2</sup>, tại thửa 134, tờ bản đồ 87, trên đất có khoảng 200 cây cà phê, đất đã được cấp giấy CNQSD đất, ông B1, bà G chết không để lại di chúc. Sau khi ông B1, bà G chết thì vợ chồng ông K3, bà L1 tự ý sang tên giấy CNQSD đất, không được sự đồng ý của tất cả anh, chị em trong gia đình và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ cấp giấy CNQSD đất số MD 079710 cấp ngày 14/9/2023 cho ông Nguyễn Đại K1 và bà Nguyễn Thị L1.

Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế là lô đất nói trên, đồng thời đề nghị hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Đại B1, bà Từ Thị G và ông Nguyễn Đại K1, bà Nguyễn Thị L1 ký kết ngày 11/01/2012 và hủy giấy CNQSD đất số MD 079710 cấp ngày 14/9/2023 cho ông Nguyễn Đại K1 và bà Nguyễn Thị L1.

***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đại K1 trình bày:***

Bố mẹ ông là ông B1 (chết ngày 23/02/2012), bà G (chết ngày 09/6/2021) có 7 người con, ông K1 là con thứ 3. Do ông B1, bà G tuổi già sức yếu, nên năm 2008 ông K1, bà L1 đưa ông B1, bà G về nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông B1, bà G có thửa đất số 67, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.945 m<sup>2</sup> (*nay là thửa đất 134, tờ bản đồ 87*).

Ngày 11/01/2012 ông Nguyễn Đại B1, bà Từ Thị G làm Hợp đồng tặng cho ông K1, bà L1 thửa đất này. Sau khi tặng cho ông B1 đi làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 29/02/2012 được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449271 mang tên ông Nguyễn Đại K1 và bà Nguyễn Thị L1.

Đến năm 2023, ông K1, bà L1 cắt cho anh Nguyễn Đại L5 (là em ông K1) một phần diện tích trong diện tích 3.945 m<sup>2</sup>. Sau đó ông K1, bà L1 và anh L5 đi làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất còn lại của ông K1, bà L1 là 2.279,6 m<sup>2</sup>, tại thửa 134, tờ bản đồ 87 và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MD 079710 cấp

ngày 14/9/2023 cho ông Nguyễn Đại K1 và bà Nguyễn Thị L1. Nhưng nay ông K và các anh chị em yêu cầu chia tài sản thừa kế là lô đất này, ông K1, bà L1 không đồng ý. Ông K1, bà L1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Bà L2, bà L3, ông K2, bà L4 trình bày: Ông B1, bà G là bố mẹ bà L2, bà L3, ông K2, bà L4, ông B1, bà G có tổng cộng 7 người con. Trước khi chết ông B1, bà G để lại tài sản là 01 thửa đất diện tích 2.279,6 m<sup>2</sup>, tại thửa 134, tờ bản đồ 87, trên đất có khoảng 200 cây cà phê, không để lại di chúc. Sau khi ông B1, bà G chết thì vợ chồng ông K1, bà L1 tự ý sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được sự đồng ý của tất cả anh, chị em trong gia đình và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MD 079710 cấp ngày 14/9/2023 cho ông Nguyễn Đại K1, bà Nguyễn Thị L1.

Việc ông K1, bà L1 tự ý sang tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh chị em trong gia đình không hề hay biết. Nay ông K khởi kiện yêu cầu chia tài sản này, bà L2, bà L3, ông K2, bà L4 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K và bà L2, bà L3, ông K2, bà L4 cũng yêu cầu chia đều tài sản này cho 7 người con, mỗi người một phần.

Ông Nguyễn Đại L5 trình bày: Bố mẹ ông là ông B1 (chết năm 2012), bà G (chết năm 2021) có 7 người con là: Nguyễn Quốc K, Nguyễn Đại K3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Đại L5, Nguyễn Đại K2, Nguyễn Thị L4. Ông B1, bà G có thửa đất số 67, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.945 m<sup>2</sup>, sau khi ông B1 chết thì vợ chồng ông K3, bà L1 canh tác, sử dụng diện tích đất này. Đến cuối năm 2022 ông K3, bà L1 cắt cho ông L5 06 m ngang, dài 30 m (một phần diện tích trong tổng diện tích 3.945 m<sup>2</sup>), diện tích đất còn lại của ông K3, bà L1 là 2.279,6 m<sup>2</sup>, tại thửa 134, tờ bản đồ 87 và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MD 079710 cấp ngày 14/9/2023 cho ông Nguyễn Đại K1 và bà Nguyễn Thị L1.

Nay ông K và các anh chị em yêu cầu chia tài sản đối với diện tích 2.279,6 m<sup>2</sup> đất này, ông L5 không có ý kiến gì. Vì ông L5 đã được ông K1, bà L1 chia cho một phần diện tích đất là 06 m ngang, dài 30 m (một phần diện tích trong tổng diện tích 3.945 m<sup>2</sup> mà bố mẹ là ông B1, bà G để lại).

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:***

**1. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ vào các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 100 Luật đất đai.

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Về nội dung:**

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/7/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo, đơn khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K làm trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Nguyễn Đại B1 (chết ngày 23/02/2012) và bà Từ Thị G (chết ngày 09/6/2021). Ông B1, bà G có 07 người con là: Nguyễn Quốc K, Nguyễn Đại K3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Đại L5, Nguyễn Đại K2, Nguyễn Thị L4.

Khi còn sống ông B1, bà G có tài sản là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 05 (*nay là thửa 134, tờ bản đồ 87*), diện tích 3.945 m<sup>2</sup> được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số AC 476084 cấp ngày 05/8/2005 cho hộ ông Nguyễn Đại B1 (*Tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất chỉ có ông B1, bà G sinh sống trên thửa đất, các người con của ông B1, bà G đều đã có gia đình riêng và không thuộc thành viên trong hộ gia đình. Hơn nữa, ông K lập gia đình và ra ở riêng từ năm 1986*).

Năm 2008, ông B1, bà G già yếu, đau ốm nên ông Nguyễn Đại K1, bà Nguyễn Thị L1 là con trai đón về chăm sóc nuôi dưỡng. Khi còn sống, ngày 11/01/2012 ông B1, bà G đã tự nguyện tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.945 m<sup>2</sup> cho vợ chồng ông Nguyễn Đại K1, bà Nguyễn Thị L1. Hợp đồng tặng cho được công chứng tại Văn phòng C tỉnh Đắk Lắk. Ngày 29/02/2012, ông K1, bà L1 đã được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa

đất trên. Sau đó, ông K1, bà L1 sinh sống cùng bà G cho tặng cho đến khi bà G chết (năm 2021).

Sau khi được tặng cho đất từ năm 2012 ông K1, bà L1 canh tác, sử dụng ổn định cho đến khi bà G chết (năm 2021) bà G cũng không có ý kiến hoặc văn bản nào thể hiện sự thay đổi ý chí thay thế hợp đồng tặng cho tài sản đã ký kết trước đó. Quá trình sử dụng đất cho đến nay các con ông B1, bà G cũng không có ai có ý kiến gì.

Ngày 11/7/2023, ông K1, bà L1 làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nhưng thực tế là cho lại) một phần diện tích đất là 215 m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Đại L5 (ông L5 là em ông K1), hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng C1. Diện tích còn lại 2.279,6 m<sup>2</sup>, tại thửa 134, tờ bản đồ 87, ngày 14/9/202, ông Nguyễn Đại K1, bà Nguyễn Thị L1 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MD 079710.

Hơn nữa, tại biên bản họp gia đình ngày 27/12/2012 ông K, ông K2, ông L5 đều biết diện tích 3.945 m<sup>2</sup> đất này đã được ông B1, bà G tặng và được sang tên cho ông K1, bà L1 nhưng cũng không có ai có ý kiến gì. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K không cung cấp chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Quốc K không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông K là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng: Căn cứ vào các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003 .

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông K phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá, được khấu trừ vào số tiền đã nộp và đã chi.

[4]. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Quốc K được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[5]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Đinh Thị Tuyết**